

Số: 1590020

|                                            | Kia Sportage 2.0G Signature (X-Line) | Mazda CX-5 2.0L Premium Sport |
|--------------------------------------------|--------------------------------------|-------------------------------|
| Giá niêm yết:                              | 899.000.000đ                         | 849.000.000đ                  |
| KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:                   |                                      |                               |
| Kích thước tổng thể (mm)                   | 4660 x 1865 x 1700                   | 4590 x 1845 x 1680            |
| Chiều dài cơ sở (mm)                       | 2755                                 | 2700                          |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm)          | 5890                                 | 5500                          |
| Khoảng sáng gầm xe (mm)                    | 190                                  | 200                           |
| Khối lượng không tải (kg)                  | 1570                                 | 1550                          |
| Khối lượng toàn tải (kg)                   | 2020                                 | 2000                          |
| Thể tích khoang hành lý (L)                | 543                                  | 442                           |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L)             | 54                                   | 56                            |
| Số chỗ ngồi                                | 5                                    | 5                             |
| Nguồn gốc                                  | SX-LR trong nước                     | SX-LR trong nước              |
| DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:                      |                                      |                               |
| Loại động cơ                               | Xăng 2.0L                            | 2.0L Skyactive - G            |
| Dung tích xi lanh (cc)                     | 1999                                 | 1998                          |
| Công suất cực đại (hp @ rpm)               | 154 / 6200                           | 154 / 6000                    |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)              | 192 / 4500                           | 200 / 4000                    |
| Hộp số                                     | 6AT                                  | 6AT                           |
| Hệ thống dẫn động                          | Cầu trước (FWD)                      | Cầu trước (FWD)               |
| Hệ thống treo trước                        | Mc Pherson                           | Độc lập Mc Pherson            |
| Hệ thống treo sau                          | Liên kết đa điểm                     | Liên kết đa điểm              |
| Hệ thống phanh trước                       | Đĩa                                  | Đĩa                           |
| Hệ thống phanh sau                         | Đĩa                                  | Đĩa                           |
| Thông số lốp xe                            | 235/55 R19                           | 225/55 R19                    |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km)       | 11                                   | 8.6                           |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km) | 6.5                                  | 6.1                           |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km)      | 8.1                                  | 7                             |
| Chế độ lái                                 | Normal / Eco / Sport / Smart         | Normal / Sport                |
| NGOẠI THẤT:                                |                                      |                               |
| Cụm đèn trước                              | LED Projector                        | LED                           |
| Đèn trước tự động bật/tắt                  | ●                                    | ●                             |
| Đèn ban ngày LED                           | ●                                    | ●                             |
| Đèn sương mù                               | LED                                  | LED                           |
| Cụm đèn sau                                | LED                                  | LED                           |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện       | ●                                    | Sấy gương                     |
| Gạt mưa tự động                            | ●                                    | ●                             |
| Cửa sổ trời                                | ●                                    | ●                             |
| NỘI THẤT - TIỆN NGHI:                      |                                      |                               |
| Vô lăng bọc da                             | ●                                    | ●                             |
| Chất liệu ghế                              | Da                                   | Da                            |
| Ghế người lái chỉnh điện                   | ●                                    | ●                             |
| Ghế người lái có nhớ vị trí                | ●                                    |                               |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh cơ         | ●                                    |                               |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh điện       | ●                                    | ●                             |

|                                          |                                            |                  |
|------------------------------------------|--------------------------------------------|------------------|
| Hàng ghế trước có tính năng làm mát      | ●                                          |                  |
| Hàng ghế trước có tính năng sưởi         | ●                                          |                  |
| Kính cửa sổ chỉnh điện                   | ●                                          | ●                |
| Màn hình đồng hồ đa thông tin            | Full-LCD 12.3"                             | Analog & Digital |
| Màn hình giải trí trung tâm              | AVN 12.3"                                  | 8"               |
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto       | ●                                          | ●                |
| Hệ thống điều hòa tự động                | ●                                          | ●                |
| Số vùng khí hậu điều hòa                 | 2                                          | 2                |
| Cửa gió cho hàng ghế sau                 | ●                                          | ●                |
| Chìa khóa thông minh                     | ●                                          | ●                |
| Khởi động nút bấm                        | ●                                          | ●                |
| Khởi động từ xa                          | ●                                          |                  |
| Hệ thống âm thanh                        | 8 loa Harman/Kardon                        | 10 loa Bose      |
| Lấy chuyển số                            | ●                                          | ●                |
| Sạc không dây Qi                         | ●                                          |                  |
| Phanh đỗ điện tử                         | ●                                          | ●                |
| Giữ phanh tự động Autohold               | ●                                          | ●                |
| Móc khóa ghế trẻ em ISOFIX               | ●                                          | ●                |
| <b>AN TOÀN:</b>                          |                                            |                  |
| Số túi khí                               | 6                                          | 6                |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS         | ●                                          | ●                |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD         | ●                                          | ●                |
| Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp BA        | ●                                          | ●                |
| Hệ thống cảnh báo phanh khẩn cấp ESS     | ●                                          | ●                |
| Hệ thống cân bằng điện tử                | ●                                          | ●                |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA  | ●                                          | ●                |
| Mã hóa chống sao chép chìa khóa          | ●                                          | ●                |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe                    | Trước & Sau                                | Trước & Sau      |
| Hệ thống cảnh báo điểm mù                | ●(hỗ trợ tránh va chạm + hiển thị điểm mù) | ●                |
| Hệ thống cảnh báo lệch làn đường         | ●                                          | ●                |
| Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường            | ●                                          | ●                |
| Hệ thống hỗ trợ phanh chủ động           | ●                                          | ●                |
| Hệ thống điều khiển hành trình           | ●                                          | MRCC Stop & Go   |
| Hệ thống điều khiển hành trình thích ứng | ●                                          |                  |
| Hệ thống cảnh báo áp suất lốp            | ●                                          |                  |
| Camera lùi                               | ●(Tích hợp camera 360)                     | ● (Camera 360)   |